

2. TƯƠNG ỪNG THIÊN TỬ (DEVAPUTTASAMYUTTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PAṬHAMAVAGGA)

I. KINH KASSAPA THỨ NHẤT (*Paṭhamakassapasutta*)¹ (S. I. 46)

82. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử² Kassapa (Ca-diếp), sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kassapa bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ-kheo cho chúng con.
- Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy!

[Kassapa:]

Hãy học điều khéo nói,
Trong hạnh nghiệp Sa-môn,
Vắng lặng, ngồi một mình,
Với tâm tư an tịnh.

Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bạc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên tử Kassapa, sau khi được biết: “Bạc Đạo sư đã chấp nhận ta”, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

II. KINH KASSAPA THỨ HAI (*Dutiyakassapasutta*)³ (S. I. 46)

83. Nhân duyên tại Sāvatti. Đứng một bên, thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,

¹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1318. 0361c20); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.317. 0480a12).

² Theo *Chú giải*, thiên tử chỉ cho con của các bậc chư thiên hạ phẩm, sinh ra từ bên hông. Nếu không biết tên, họ được gọi là devatā; nếu biết tên, được gọi là devaputta.

³ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1318. 0361c20); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.317. 0480a12).

Đạt được tâm sở nguyện.⁴
 Sau khi biết cuộc đời,
 Hưng thịnh và phế tàn,
 Tâm thuần, không nương tựa,
 Hưởng lợi quả như chơn.

III. KINH MĀGHA (*Māghasutta*)⁵ (S. I. 47)

84. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Māgha,⁶ sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Māgha nói với Thế Tôn bài kệ:

Đoạn vật gì được lạc?
 Đoạn vật gì không sầu?
 Có một pháp loại gì,
 Ngài tán đồng đoạn dứt,
 Tôn giả Gotama?

[Thế Tôn:]

Đoạn phần nộ được lạc,
 Đoạn phần nộ không sầu.
 Phần nộ với độc căn,
 Với vị ngọt tối thượng,
 Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
 Tán đồng sự đoạn dứt.
 Đoạn pháp ấy không sầu,
 Nay Thiên Vatrabhū.

IV. KINH MĀGADHA (*Māgadhasutta*) (S. I. 47)

85. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Māgadha nói lên với Thế Tôn bài kệ:

– Vật gì chiếu sáng đời,
 Do chúng, đời chói sáng?
 Con đến hỏi Thế Tôn,
 Muốn nghe lời giải đáp.
 – Bốn vật chiếu sáng đời,
 Thứ năm, đây không có.
 Ngày, mặt trời sáng chói.
 Đêm, mặt trăng tỏ rạng.

⁴ *Chú giải*: Tức là quả A-la-hán.

⁵ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1309. 0360b03); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.308. 0478c06).

⁶ Māgha là một trong những tên gọi của Sakka, Thiên chủ của cõi trời thấp nhất, còn gọi cõi trời Tam Thập Tam. Vatra là một a-tu-la bị Sakka chinh phục.

Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này sáng vô thượng.

V. KINH DĀMALI (*Dāmalisutta*)⁷ (S. I. 47)

86. Nhân duyên tại Sāvatthi. Thiên tử Dāmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dāmali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Ở đây, Bà-la-môn,⁸
Tinh cần, không biếng nhác,
Đoạn trừ các dục vọng,
Nhờ vậy không tái sanh.

Thế Tôn bèn trả lời:

Ôi, này Dāmali,
Với vị Bà-la-môn,
Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.
Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân đứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tìm được chỗ chân đứng,
Khô ráo, vị ấy đứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị ấy không trôi giạt.
Vậy này Dāmali,
Ví dụ ấy là vậy.
Cũng vậy, Bà-la-môn,
Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu thiền định.
Vị ấy đã đạt được,
Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.

⁷ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1311.0360c03); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.310. 0478c29).

⁸ *Brāhmaṇa* (Bà-la-môn). Khái niệm “Bà-la-môn” trong đoạn kinh trên chỉ cho vị A-la-hán.

VI. KINH KĀMADA (*Kāmadāsutta*)⁹ (S. I. 48)

87. Nhân duyên tại Sāvattthi. Đứng một bên, thiên tử Kāmada bạch Thế Tôn:

Khó làm, bạch Thế Tôn,
Thế Tôn, thật khó làm!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Họ làm việc khó làm.
Chính các vị Hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,
Biết đủ, đem an lạc.

[Kāmada:]

Biết đủ, bạch Thế Tôn,
Biết đủ, thật khó được!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Họ được điều khó được.
Những vị lòng ưa thích,
Tâm tư được điều tịnh,
Cả ngày và cả đêm,
Ý an lạc tu tập.

[Kāmada:]

Khó tịnh bạch Thế Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy, Kāmada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lưới tử thân,
Bạc Hiền Thánh đi tới.

[Kāmada:]

Khó đi, bạch Thế Tôn,
Con đường thật lồi lõm!

[Thế Tôn:]

Tuy vậy Kāmada,
Bạc Hiền Thánh vẫn đi.
Trên con đường khó đi,

⁹ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1313. 0361a01); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.312. 0479a28).

Và có nhiều lỗi lổm,
 Kẻ phạm phu vấp ngã,
 Trên đường mất thăng bằng.
 Con đường đối bậc Thánh,
 Là con đường thăng bằng,
 Bậc Thánh bước thăng bằng,
 Trên đường mất thăng bằng.

VII. KINH PAÑCĀLACAṆḌA (*Pañcālacaṇḍasutta*)¹⁰ (S. I. 48)

88. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Pañcālacaṇḍa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Dầu giữa những chướng ngại,
 Bậc Đại Trí Chánh Giác,
 Vẫn tìm được lối thoát,
 Vượt qua mọi chướng ngại.
 Bậc Trí hiểu thiên định,
 Biết từ bỏ, tối thắng,
 Bậc Mâu-ni, Ân Sĩ.

Thế Tôn lên tiếng:

Pañcālacaṇḍa,
 Dầu giữa những chướng ngại,
 Họ tìm được lối thoát,
 Họ tìm được Chánh pháp,
 Đưa đến quả Niết-bàn.
 Những vị đạt chánh niệm,
 [Kiên trì không dao động],
 Họ là bậc chơn chánh,
 Tâm điều phục, định tĩnh.

VIII. KINH TĀYANA (*Tāyanasutta*)¹¹ (S. I. 49)

89. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Tāyana, trước kia là ngoại đạo sư, sau khi đem gần gũi, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Tāyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Ôi, này Bà-la-môn,
 Tinh tấn cắt dòng nước,
 Đoạn trừ và tiêu diệt,
 Mọi tham đắm dục vọng.¹²
 Ân sĩ không đoạn dục,

¹⁰ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1305. 0358b26); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.304. 0477a20).

¹¹ Tham khảo: *Dh. v. 311, 312, 313, 314; Thag. v. 277.*

¹² *Dh. v. 383.*

Không chứng được nhất tâm.
 Nếu làm việc nên làm,
 Cần kiên trì, tinh tấn.
 Xuất gia, nếu biếng nhác,
 Càng tung vãi bụi trần.
 Không làm hơn làm dở,
 Làm dở sau khổ đau.
 Đã làm nên làm tốt,
 Làm tốt không khổ đau.
 Như vụng nắm lá cỏ,
 Có thể bị đứt tay,
 Sa-môn hạnh vụng tu,
 Kéo đến cõi địa ngục.
 Mọi sở hành biếng nhác,
 Mọi hạnh tu ô nhiễm,
 Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
 Không đưa đến quả lớn.

Thiên tử Tāyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, đêm nay thiên tử Tāyana, trước kia là ngoại đạo sư, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Tāyana nói lên bài kệ này trước Ta:

Ôi, này Bà-la-môn,
 Tinh tấn cắt dòng nước,
 Đoạn trừ và tiêu diệt,
 Mọi tham đắm dục vọng.
 Ăn sĩ không đoạn dục,
 Không chứng được nhất tâm.
 Nếu làm việc nên làm,
 Cần kiên trì, tinh tấn.
 Xuất gia nếu biếng nhác,
 Càng tung vãi bụi trần.
 Không làm hơn làm dở,
 Làm dở sau khổ đau.
 Đã làm nên làm tốt,
 Làm tốt không khổ đau.
 Như vụng nắm lá cỏ,
 Có thể bị đứt tay,

Sa-môn hạnh vụng tu,
 Kéo đến cõi địa ngục.
 Mọi sở hành biếng nhác,
 Mọi hạnh tu ô nhiễm,
 Nghi ngờ trong Phạm hạnh,
 Không đưa đến quả lớn.

Này các Tỷ-kheo, thiên tử Tāyana nói như vậy. Nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy đọc bài kệ của Tāyana. Này các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tāyana. Này các Tỷ-kheo, bài kệ của Tāyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của Phạm hạnh.

IX. KINH CANDIMĀ (*Candimasutta*)¹³ (S. I. 50)

90. Nhân duyên tại Sāvattthi. Lúc bấy giờ, thiên tử Candimā (Nguyệt) bị Rāhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Candimā tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Đánh lễ đấng Giác Ngộ,
 Bạc Anh Hùng muôn thuở,
 Ngài là bậc Giải Thoát,
 Thoát ly thật viên mãn,
 Còn con bị trói buộc,
 Hãy cho con quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn, vì thiên tử Candimā, nói lên bài kệ này cho Rāhu, vua a-tu-la:

Canda đã quy y,
 Như Lai, bậc La-hán,
 Rāhu, hãy thả nó,
 Vì chư Phật thương đời.

Rồi Rāhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Candimā. Như bị hốt hoảng, Rāhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rāhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:

– Vì sao, như hốt hoảng,
 Rāhu thả Canda,
 Ông đến, lòng run sợ,
 Ông đứng, tâm kinh hoàng?

– Dầu con bề thành bầy,
 Đời con không hạnh phúc,
 Với lời kệ đức Phật,
 Nếu không thả Canda.

¹³ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.583. 0155a07); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.167. 0436a05).

X. KINH SŪRIYA (*Sūriyasutta*) (S. I. 51)

91. Nhân duyên tại Sāvattthi. Lúc bảy giờ, thiên tử Sūriya (Nhật) bị Rāhu, vua a-tu-la bắt. Rồi thiên tử Sūriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

Đánh lễ đáng Giác Ngộ,
Bạc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn, vì thiên tử Sūriya, nói lên bài kệ này cho Rāhu, vua a-tu-la:

Sūriya đã quy y,
Như Lai, bậc La-hán,
Rāhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Sūriya.
Trong thế giới tối tăm,
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là đĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Rāhu, Ta nói:
Hãy thả Sūriya.

Rồi Rāhu, vua a-tu-la, giải thoát cho thiên tử Sūriya. Như bị hốt hoảng, Rāhu run sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Vepacitti, vua a-tu-la, và đứng một bên. Và Vepacitti, vua a-tu-la, nói lên bài kệ cho Rāhu, vua a-tu-la, đang đứng một bên:

– Vì sao, như hốt hoảng,
Rāhu thả Sūriya,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?
– Đầu con bể thành bảy,
Đời con không hạnh phúc,
Vớ lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Sūriya.

II. PHẨM CẤP CÔ ĐỘC (ANĀTHAPIṆḌIKAVAGGA)

I. KINH CANDIMASA (*Candimasasutta*) (S. I. 51)

92. Nhân duyên tại Sāvatthi. Rồi thiên tử Candimasa, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Họ sẽ đi an toàn,
Như thú vùng không muỗi,
Sau khi chứng thiền định,
Nhất tâm, niệm tỉnh giác.

[Thế Tôn:]

Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá phá rách lưới,
Sau khi chứng thiền định,
Tự chế, vượt lỗi lầm.

II. KINH VEṆḌU (*Veṇḍusutta*) (S. I. 52)

93. Đứng một bên, thiên tử Veṇḍu nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!

Thế Tôn nói: Veṇḍu!
Những ai thiền tu học,
Trong pháp cú Ta dạy,
Tỉnh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.

III. KINH DĪGHALATṬṬHI (*Dīghalaṭṭhisutta*) (S. I. 52)

94. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi thiên tử Dīghalaṭṭhi, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Dīghalaṭṭhi nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiên,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
Sau khi biết cuộc đời,
Sanh khởi rồi đoạn diệt,
Tâm thuần không chấp trước,
Hưởng lợi quả như chơn.¹⁴

IV. KINH NANDANA (*Nandanasutta*) (S. I. 52)

95. Đứng một bên, thiên tử Nandana nói bài kệ với Thế Tôn:

Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác Toàn Trí,
Con hỏi đáng Thế Tôn,
Với tri kiến vô ngại.¹⁵
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sầu khổ?
Người nào chư thiên lạy?

[Thế Tôn:]

Ai hộ trì giới luật,
Trí tuệ, tâm tu trì,
Chú tâm, vui thiên định,
Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận.
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu.
Vị ấy gọi trì giới,
Vị ấy gọi trí tuệ,
Vị ấy vượt sầu khổ,
Vị ấy chư thiên lạy.

V. KINH CANDANA (*Candanasutta*) (S. I. 53)

96. Đứng một bên, thiên tử Candana (Chiên-đàn) nói lên bài kệ với Thế Tôn:

¹⁴ Xem S. I. 46 (kinh 83 ở trước).

¹⁵ *Chú giải*: Khi đức Phật phóng hào quang, không có cây, núi nào có thể ngăn che ánh sáng được.

Làm sao vượt bậc lưu,
Ngày đêm vững, kiên trì?

[Thế Tôn:]

Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ, khéo định tĩnh,
Chỉ siêng năng đồng mãnh,
Vượt bậc lưu khó vượt.¹⁶

Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,
Đoạn tận hỷ, hữu ái,¹⁷
Không chìm xuống vực sâu.

VI. KINH VĀSUDATTA (*Vāsudattasutta*)¹⁸ (S. I. 53)

97. Đứng một bên, thiên tử Vāsudatta nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.

[Thế Tôn:]

Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ thân kiến.

VII. KINH SUBRAHMĀ (*Subrahmasutta*)¹⁹ (S. I. 53)

98. Đứng một bên, thiên tử Subrahmā nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Tâm này thường sợ hãi,
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi,
Điều không mong lại khởi.
Nếu không có sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.

[Thế Tôn:]

Không ngoài hạnh giác chi,²⁰
Không ngoài hộ trì căn,²¹

¹⁶ Xem S. I. 165 (kinh 192 ở sau); S. I. 197 (kinh 222 ở sau). Xem *Pss. Breth.* 335.

¹⁷ Chỉ cho 16 sắc giới thiên, từ Phạm thiên trở lên. Dục giới bao gồm những cảnh giới thấp hơn

¹⁸ Bản tiếng Anh của PTS: *Sudatta*, phiên âm là Tu-đạt-đa.

¹⁹ Theo *Chú giải*, thiên tử Subrahmā hưởng thiên lạc ở thiên giới thấp nhất, khi nghiệp quả hết phải sanh vào địa ngục. Vì vậy, vị ấy buồn rầu đến yết kiến đức Phật.

²⁰ *Bojjhā tapasā*: Đây có thể xem là thực hành 7 giác chi và 13 hạnh Đầu-đà.

²¹ Xem S. I. 47 (kinh 84 ở trước).

Không ngoài bỏ tất cả,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.

Nói như vậy... rồi thiên tử biến mất tại chỗ ấy.

VIII. KINH KAKUDHA (*Kakudhasutta*) (S. I. 54)

99. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāketa, rừng Añjana, tại Vườn Nai. Rồi thiên tử Kakudha,²² sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Añjana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

- Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?
- Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?
- Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?
- Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?
- Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?
- Thật như vậy, này Hiền giả.
 - Làm sao, này Tỷ-kheo, Ngài không có sầu muộn, Tuy vậy Ngài cũng không Có được sự hoan hỷ?
 - Làm sao, nay Ngài lại, Ngồi cô độc một mình, Không có được hoan hỷ, Cũng không bị dao động?²³
 - Thật sự, này dạ-xoa, Ta không có sầu muộn, Tuy vậy ở nơi Ta, Hoan hỷ không khởi lên. Dầu nay Ta có ngồi, Riêng một mình cô độc, Ta không có hoan hỷ, Cũng không bị dao động.
 - Làm sao, này Tỷ-kheo, Ngài không có sầu muộn,

²² Vị này trước là thị giả của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Vị ấy viên tịch trong khi ngồi thiền định và được sinh lên cõi Phạm thiên.

²³ *Aratī nābhikīratī*. Xem *Pss. Breth.* 261, n. 1.

Làm sao, ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao, nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

– Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn.
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.

– Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.²⁴

IX. KINH UTTARA (*Uttarasutta*) (S. I. 54)

100. Tại thành Vương Xá. Đứng một bên, thiên tử Uttara nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.

[Thế Tôn:]

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

²⁴ Xem S. I. 1 (kinh 1 ở trước).

Hãy bỏ mọi thế lợi,
 Tâm hướng cầu tịch tịnh.²⁵

X. KINH ANĀTHAPIṆḌIKA (*Anāthapiṇḍikasutta*) (S. I. 55)

101. Đứng một bên, thiên tử Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc)²⁶ nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Đây là rừng Kỳ Viên,
 Chỗ trú xứ Thánh chúng,
 Chỗ ở đáng Pháp Vương,
 Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,
 Giới và tối thắng mạng,
 Chính những Diệu pháp ấy,
 Khiến chúng sanh thanh tịnh,
 Không phải vì dòng họ,
 Không phải vì tài sản.

Do vậy bậc Hiền giả,
 Thấy lợi ích chính mình,
 Chánh giác sát tâm pháp,
 Như vậy được thanh tịnh.

Như Ngài Xá-lợi-phất,
 Tuệ, giới và tịch tịnh,
 Tỷ-kheo đến bờ giác,
 Ở đây là tối thượng.

Thiên tử Anāthapiṇḍika nói như vậy; nói vậy xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, đêm nay có thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, vị thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước Ta:

Đây là rừng Kỳ Viên,
 Chỗ trú xứ Thánh chúng,
 Chỗ ở đáng Pháp Vương,
 Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,
 Giới và tối thắng mạng,

²⁵ Xem S. I. 2 (kinh 3 ở trước).

²⁶ Xem S. I. 33 (kinh 46 ở trước).

Chính những Diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.

Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.

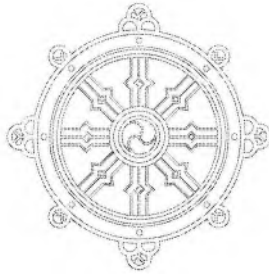
Như Ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, thiên tử ấy nói như vậy; nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải vị thiên tử ấy là Anāthapiṇḍika? Gia chủ Anāthapiṇḍika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sāriputta?

– Lành thay! Lành thay! Này Ānanda, cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ānanda, ông đã đạt được. Này Ānanda, Anāthapiṇḍika là vị thiên tử ấy.



III. PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (*NĀNĀTITTHIYAVAGGA*)

I. KINH SIVA (*Sivasutta*) (S. I. 56)

102. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi thiên tử Siva,²⁷ sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Siva nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Được tuệ, không gì khác.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Không sâu giữa sâu muộn.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chói sáng giữa quyền thuộc.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết Diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.

Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,

²⁷ Siva trong Kinh tạng có nghĩa là may mắn, hạnh phúc.

Biết Diệu pháp người hiền,
 Chúng sanh thường hưởng lạc.
 Rồi Thế Tôn đáp lại thiên tử Siva với bài kệ:
 Hãy thân với người lành,
 Hãy gần gũi người thiện,
 Biết Diệu pháp người hiền,
 Giải thoát mọi khổ đau.

II. KINH KHEMA (*Khemasutta*) (S. I. 57)

103. Đứng một bên, thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Kẻ ngu không trí tuệ,²⁸
 Lấy ngã làm kẻ thù,
 Tự làm các ác nghiệp,
 Đưa đến quả đắng cay.
 Nghiệp nào không khéo làm,
 Làm xong bị nung nấu,
 Với mặt đầy nước mắt,
 Khóc lóc chịu quả báo.
 Và nghiệp nào khéo làm,
 Làm xong, không nung nấu,
 Tâm vui, ý thoải mái,
 Vị ấy hưởng quả báo.

[Thế Tôn:]

Biết điều lợi cho mình,
 Làm trước điều phải làm,
 Không tâm trạng đánh xe,
 Kẻ trí lòng tinh tấn.
 Như người chủ đánh xe,
 Rồi đại đạo thẳng bằng,
 Leo lên đường lối lữ,
 Ưu tư nạn gãy trục.
 Cũng vậy, bỏ Chánh pháp,
 Người ngu theo phi pháp,
 Rơi vào miệng tử thân,
 Ưu tư như gãy trục.

III. KINH SERĪ (*Serīsutta*) (S. I. 57)

104. Đứng một bên, thiên tử Serī²⁹ nói lên bài kệ với Thế Tôn:

²⁸ Xem *Dh.* v. 66-68.

²⁹ Xem S. I. 32 (kinh 43 ở trước). Ngài Buddhaghosa nói Serī là vua của hai nước Sindhu và Sodhika, tên thành là Roruva. Trong *J.* III. 470, thành này được gọi là Sovīra.

Cả hai loại trời, người,
 Đều ưa thích ăn uống,
 Có kẻ dạ-xoa nào,
 Lại không thích ăn uống?

[Thế Tôn:]

Ai cho với lòng tin,
 Với tâm tư thanh tịnh,
 Được phần món ăn ấy,
 Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
 Bồ thí, nhiếp cầu uế,
 Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
 Công đức trong đời sau.

– Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói điều khéo nói như vậy:

Ai cho với lòng tin,
 Với tâm tư thanh tịnh,
 Được phần món ăn ấy,
 Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
 Bồ thí, nhiếp cầu uế,
 Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
 Công đức trong đời sau.

Bạch Thế Tôn, thuở xưa con là vị vua tên Serī ưa bồ thí, là bậc thí chủ tán thán bồ thí. Bạch Thế Tôn, tại bốn cửa thành, bồ thí được phân phát nhân danh con cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khát.

Bạch Thế Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: “Đại vương thường hay bồ thí, còn chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức!”

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: ‘Chúng ta hãy bồ thí?’” Bạch Thế Tôn, con cho các cung phi của thành thứ nhất. Ở đây, các cung phi được bồ thí, và vật bồ thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các Sát-đế-ly (*Khattiya*), chư hầu của con đến con và thưa: “Đại vương đã bồ thí. Các cung phi đã bồ thí. Chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức!”

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: ‘Chúng ta hãy

bồ thí’?” Bạch Thế Tôn, con cho các chư hầu *Khattiya* cử thành thứ hai. Ở đây, các chư hầu *Khattiya* được bồ thí, và vật bồ thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, quân đội đến con và thưa: “Đại vương đã bồ thí. Các cung phi đã bồ thí. Các chư hầu *Khattiya* đã bồ thí. Chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức!”

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: ‘Chúng ta hãy bồ thí’?” Bạch Thế Tôn, con cho quân đội cử thành thứ ba. Ở đây, quân đội được bồ thí, và vật bồ thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: “Đại vương đã bồ thí. Các cung phi đã bồ thí. Các chư hầu *Khattiya* đã bồ thí. Quân đội đã bồ thí. Chúng con chưa bồ thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bồ thí và làm các công đức!”

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Ta là người ưa bồ thí, là thí chủ tán thán bồ thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: ‘Chúng ta hãy bồ thí’?” Bạch Thế Tôn, con cho các Bà-la-môn gia chủ cử thành thứ tư. Ở đây, các Bà-la-môn gia chủ được bồ thí, và vật bồ thí của con trở lui lại cho con.

Rồi bạch Thế Tôn, các cận thần của con đến thưa với con: “Nay Đại vương không còn vật bồ thí nào để cho nữa.”

Khi nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các người ấy như sau: “Này các ông, các thuế má thâu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bồ thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khát.”

Như vậy, bạch Thế Tôn, con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công đức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức, hay như là công đức quả, hay như là những điều kiện được sanh thiên giới.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy:

Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.

Vậy hãy ngăn xan tham,
Bồ thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau.

IV. KINH GHAṬĪKĀRA (*Ghaṭṭikārasutta*) (S. I. 60)

105. Đứng một bên, thiên tử Ghaṭṭikāra nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Được sanh Vô Phiền thiên,
 Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
 Đoạn tận tham và sân,
 Siêu thoát đời ái trước.

[Thế Tôn:]

Vượt bùn, họ là ai,
 Khó vượt lệnh thần chết,
 Sau khi bỏ thân người,
 Họ thoát ách chư thiên?

[Ghaṭṭikāra:]

Họ là Upaka,
 Và Phalaṅgaṇḍa,
 Với Pukkusaṭṭi,
 Hợp thành là ba vị.
 Lại thêm Bhaddiya,
 Với Khaṇḍadeva,
 Và Bāhuraggi,
 Cùng với Piṅgiya,
 Sau khi bỏ thân người,
 Họ thoát ách chư thiên.

[Thế Tôn:]

Ông nói điều tốt lành,
 Về bảy Tỷ-kheo ấy,
 Họ thoát ly, đoạn trừ,
 Các cạm bẫy Ma vương.
 Pháp họ biết của ai,
 Đoạn được hữu kiết sử?

[Ghaṭṭikāra:]

Không ai ngoài Thế Tôn,
 Chính thật giáo lý Ngài,
 Họ biết pháp của Ngài,
 Đoạn được hữu kiết sử.
 Chỗ nào danh và sắc,
 Được đoạn diệt không dư,
 Họ học được pháp ấy,
 Ở đây từ nơi Ngài.
 Nhờ vậy họ đoạn trừ,
 Hữu kiết sử trối buộc.

[Thế Tôn:]

Lời ông nói thâm sâu,
 Khó biết, khó chứng ngộ,

Pháp ông biết của ai,
Sao ông không nói được?

[Ghaṭikāra:]

Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehaṇṇa,
Và con được tên gọi,
Là Ghaṭikāra.
Chính con lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật,
Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ,
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trước.

[Thế Tôn:]

Vậy này Bhaggava,
Chính như ông vừa nói,
Thuở xưa, ông thợ gốm,
Tại Vehaṇṇa,
Và ông được tên gọi,
Là Ghaṭikāra.
Chính ông lo nuôi dưỡng,
Cả mẹ lẫn cả cha.
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia.
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật.

Thuở xưa, ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tối hậu.

V. KINH JANTU (*Jantusutta*) (S. I. 61)

106. Như vậy tôi nghe.

Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himalaya (Tuyết Sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. Họ tự cao, tự mãn, dao động, lăm mồm lăm miệng, ăn nói huyên thuyên,³⁰ thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn, các căn không chế ngự.

Rồi thiên tử Jantu, vào đêm Bố-tát, ngày rằm, đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xưa,
Sống thật chơn an lạc,
Họ thật là đệ tử,
Bậc Đại Giác Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn,
Không ham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.

Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn, ăn rồi nằm,
Thèm khát vật nhà người.
Con vãi chào chúng Tăng,
Đánh lễ một vài vị.
Kẻ khác sống vất vưởng,
Không chỉ đạo, hướng dẫn,
Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.

Những ai sống phóng dật,
Vì họ con nói lên.
Những ai không phóng dật,
Chân thành, con đánh lễ.

VI. KINH ROHITASSA (*Rohitassasutta*) (S. I. 61)

107. Nhân duyên tại Sāvatthi. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

– Nay Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

³⁰ *Uddhatā, unnaḷā, capalā, mukharā, vikiṇṇavācā*. Xem các vần kệ của Tôn giả Phussa trong *Thag.* v. 958. Xem *JPTS.* 1913-14 (*PugA*). 217.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: “Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.”

Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thân thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây Sa-la.³¹

Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: “Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới.”

Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy; dầu cho con có bước dài đến như vậy; dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném; dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện; dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cầu uế; dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình; dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình; tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: “Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy không có thể với bộ hành biết được hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy.”

– Này Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Này Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm,³² có tướng, có thức này, Ta tuyên bố thế giới,³³ nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

Bộ hành không bao giờ,
Đạt được thế giới tận,
Không được thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.

Do vậy mà thật sự,
Bậc Trí, Thế Gian Giải,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.

³¹ P. Tāla; S. Tāla; H. 多羅 (đa-la), 栴檀 (kiên-lư), 棕櫚 (tông-lư); E: The palmyra tree (cây cọ, cây thốt nốt). Giống cây này mọc rất nhiều ở Ấn Độ, Tích Lan, Campuchia, miền Nam Việt Nam... Bản dịch 5 bộ Nikāya do HT. Thích Minh Châu thực hiện đều phiên âm là Sa-la. Lưu ý, cây này khác với cây Sālā, nơi đức Phật đã nhập Niết-bàn.

³² *Vyāma*, bằng độ dài của một người dang rộng hai tay ra.

³³ Ngài Buddhaghosa cho rằng thuật ngữ “thế giới” này là *satta-saṅkhāraloka* tức thế giới hiện tượng của chúng sinh hữu tình.

Với tâm tư định tĩnh,
 Biết được thế giới tận,
 Không ước vọng đời này,
 Không ước vọng đời sau.

VII. KINH NANDA (*Nandasutta*)³⁴ (S. I. 62)

108. Đứng một bên, thiên tử Nanda nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Thời gian [lặng] trôi qua,
 Đêm [ngày] luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta.
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
 Hãy làm các công đức,
 Được hưởng cảnh an lạc.

[Thế Tôn:]

Thời gian [lặng] trôi qua,
 Đêm [ngày] luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta.
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
 Hãy bỏ lợi thế gian,
 Được hưởng chơn tịch tịnh.

VIII. KINH NANDIVISĀLA (*Nandivīsālasutta*) (S. I. 63)

109. Đứng một bên, thiên tử Nandivīsāla nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Bốn bánh xe, chín cửa,³⁵
 Đây ướ, hệ lụy tham,
 Chìm đắm trong bùn nhơ.
 Ôi! Thừa bậc Đại Hùng,
 Sanh thú người như vậy,
 Tương lai sẽ thế nào?

[Thế Tôn:]

Cắt dây da buộc ràng,
 Dục tham và tà ác,
 Ái căn được đoạn tận,
 Sanh thú sẽ như vậy.

³⁴ Xem S. I. 3 (kinh 4 ở trước).

³⁵ Xem S. I. 16 (kinh 29 ở trước).

IX. KINH SUSIMA (*Susimasutta*) (S. I. 63)

110. Nhân duyên tại Sāvattthi. Rồi Đại đức Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, ông có hoan hỷ với Sāriputta không?

– Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Quảng tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Hỷ tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Tiệp tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Lợi tuệ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Quyết trạch tuệ là Tôn giả Sāriputta.³⁶ Bạch Thế Tôn, Ít dục là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Biết đủ là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Viễn ly là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Bất cộng trú là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Tinh cần tinh tấn là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Biện tài là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Nghe lời trung ngôn là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Cáo tội trung thực là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta.

Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta?

– Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda! Này Ānanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sāriputta? Này Ānanda, Hiền trí là Sāriputta. Này Ānanda, Đại tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Quảng tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Hỷ tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Tiệp tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Lợi tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Quyết trạch tuệ là Sāriputta. Này Ānanda, Ít dục là Sāriputta. Này Ānanda, Biết đủ là Sāriputta. Này Ānanda, Viễn ly là Sāriputta. Này Ānanda, Bất cộng trú là Sāriputta. Này Ānanda, Tinh cần tinh tấn là Sāriputta. Này Ānanda, Biện tài là Sāriputta. Này Ānanda, Nghe lời trung ngôn là Sāriputta. Này Ānanda, Cáo tội trung thực là Sāriputta. Này Ānanda, Chỉ trích ác pháp là Sāriputta. Này Ānanda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sāriputta?

Rồi thiên tử Susima, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sāriputta, với đại chúng thiên tử đoanh vây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Susima bạch Thế Tôn:

– Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, Hiền trí là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, Đại tuệ là Tôn giả Sāriputta... Bạch Thế Tôn, Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si,

³⁶ M. 111, *Anupada Sutta* (Kinh Bất đoạn), M. III. 25, đoạn 93.

không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lần tiếng nói như vậy: “Hiền trí là Tôn giả Sāriputta... Chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sāriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sāriputta?”

Rồi chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam,³⁷ chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo khéo đập, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như trong mùa thu, bầu trời³⁸ không một áng mây, khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Ví như trong mùa thu, bầu trời không một áng mây, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm, khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng thiên tử của thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sāriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

Rồi thiên tử Susima nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Sāriputta:

Ngài Sāriputta,
Được mọi người xác nhận,
Là một bậc Hiền trí,
Không phần hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Được Đạo sư tán thán.

Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sāriputta cho thiên tử Susima:

Về Sāriputta,
Mọi người đều xác nhận,

³⁷ *Pañdu*: Hào quang của chư thiên tùy thời chiếu sáng rõ với nhiều màu sắc tuyệt đẹp như màu vàng nghệ, vàng tươi, đỏ, trắng.

³⁸ *Deva*, trong kinh này, Ngài Buddhaghosa giải thích là *ākāśa*.

Là một bậc Hiền trí,
Không phần hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Như người khéo điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuần thực.

X. KINH CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (*Nānātitthiyasāvakasutta*) (S. I. 65)

111. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở thành Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Rồi rất đông thiên tử, là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư³⁹ như: Asama, Sahali, Nīnka, Ākoṭaka, Veṭambarī và Māṇavagāmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Asama nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Pūraṇa Kassapa:

Ở đây nếu có người,
Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyên bố như vậy,
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.

Rồi thiên tử Sahali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Makkhali Gosāla:

Khô hạnh và yếm ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Từ bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người.
Thắng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,
Các tội phạm như vậy.

Rồi thiên tử Nīnka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Nigaṇṭha Nātaputta:

Vị Tỷ-kheo yếm ly,
Sáng suốt theo tế hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,

³⁹ Họ tin tưởng ở nghiệp, nhờ thiện nghiệp được sanh lên thiên giới và đồng ý xuống thế gian để tán thán bậc Đạo sư của họ.

Chỉ nói điều nghe thấy,⁴⁰
Không phạm điều lỗi lầm.

Rồi thiên tử Ākoṭaka nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về các ngoại đạo sư:

Các ngoại đạo sư này,
Như Pakudhaka Kāṭiyāna,
Cùng với Nigaṇṭha,
Kẻ cả Makkhali,
Và cả Pūraṇa,
Mỗi vị là Đạo sư,
Chúng đệ tử của mình,
Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc chân nhân.

Rồi thiên tử Veṭambarī nói lên bài kệ này với thiên tử Ākoṭaka:

Con đã can ghê tởm,
Có tru sửa thế nào,
Làm sao sánh bằng được,
Tiếng rống con sư tử.
Lỡa thể nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vậy,
Làm sao sanh thiện nhân?

Rồi Ác ma nhập vào thiên tử Veṭambarī nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

Tu khổ hạnh yếm ly,
Sống viễn ly hành xác,
Đắm say trong sắc pháp,
Hoan lạc, mê thiên giới,
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chon chánh,
Đưa đến đời về sau.

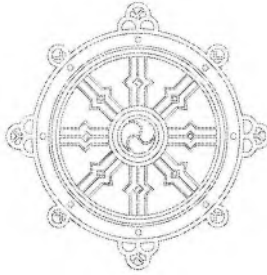
Rồi Thế Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

Phạm những sắc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diếu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc ấy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bấy mỗi,
Quăng ra để diệt cá.

⁴⁰ Xem M. II. 31.

Rồi thiên tử Mānavagāmiya⁴¹ nói lên bài kệ này trước Thế Tôn về Thế Tôn:

Trong tất cả ngọn núi,
 Ở tại Vương Xá thành,
 Ngọn núi Vipula,
 Được gọi là tối thắng.
 Trong dãy núi Tuyết Sơn,
 Ngọn Bạch Sơn tối thắng.
 Giữa các loại không hành,
 Mặt trời là tối thắng.
 Giữa các loại thủy lộ,
 Đại dương là tối thắng.
 Trong các loài tinh tú,
 Mặt trăng là tối thắng.
 Giữa thiên giới, địa giới,
 Phật được gọi tối thượng.



⁴¹ *Chú giải:* Trước đây là thị giả của đức Phật.

